

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ
Số: **3393** /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày **10** tháng **7** năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh (UBND) kính trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số (DTTS) trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 30/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị xác định nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục, bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục, nhất là đối với vùng đồng bào DTTS và miền núi. Việc ban hành Nghị quyết là phù hợp với chủ trương của Đảng và yêu cầu phát triển giáo dục của tỉnh.

b) Cơ sở pháp lý

Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một nêu: “1. Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về nhân sự, kinh phí để thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một tại địa phương theo thẩm quyền quy định”.

Điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định HĐND có nhiệm vụ, quyền hạn “Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Như vậy, khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT giao UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định về nhân sự, kinh phí thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một. Đồng thời,

Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan quy định HĐND cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.

2. Cơ sở thực tiễn

Trẻ em người DTTS trước khi vào lớp Một chủ yếu sử dụng tiếng mẹ đẻ trong giao tiếp hàng ngày. Khi bước vào cấp tiểu học, rào cản ngôn ngữ khiến các em gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thu kiến thức, ảnh hưởng lớn đến chất lượng giáo dục.

Mặc dù các nhà trường đã chủ động tổ chức dạy tiếng Việt trước khi vào lớp Một, nhưng thực tế triển khai còn gặp nhiều khó khăn: Giáo viên (GV) chưa được hưởng cơ chế hỗ trợ thỏa đáng; điều kiện kinh tế gia đình học sinh DTTS rất khó khăn, thiếu thôn tài liệu, học cụ học tập; chưa có một chính sách tổng thể, đồng bộ mang tính pháp lý từ cấp tỉnh để đảm bảo nguồn lực thực hiện lâu dài.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị là rất cần thiết và đúng thẩm quyền theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

a) Tổ chức, quản lý, hướng dẫn hoạt động dạy và học tiếng Việt cho trẻ là người DTTS trước khi vào lớp Một.

b) Tạo hứng thú, chủ động trong học tập; hình thành một số kỹ năng học tập cơ bản và năng lực sử dụng tiếng Việt, kỹ năng giao tiếp cho trẻ là người DTTS trước khi vào lớp Một, đồng thời nhằm góp phần thực hiện tốt chính sách cho GV.

c) Căn cứ pháp lý để ngành Giáo dục thống nhất thực hiện trên toàn tỉnh, góp phần bảo đảm công bằng trong tiếp cận giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

a) Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết đảm bảo tính hợp pháp, đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật.

b) Trình tự, thủ tục xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Chính sách được ban hành có tính khả thi, đảm bảo phù hợp với thực tiễn, khuyến khích, động viên học sinh người DTTS tích cực tăng cường tiếng Việt, nâng cao chất lượng học tập.

d) Đảm bảo nguồn lực thực hiện, áp dụng phù hợp, đúng đối tượng và chính sách trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở GDĐT đã xây dựng dự thảo Nghị quyết; tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, địa phương, đối tượng chịu tác động; đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện

tử; tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; gửi Sở Tư pháp thẩm định và hoàn thiện hồ sơ theo quy định gửi trình UBND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một.

b) Đối tượng áp dụng

GV, những người trực tiếp tham gia giảng dạy. Trẻ em là người DTTS tham gia học tiếng Việt trước khi vào lớp Một.

Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ở vùng đồng bào DTTS và miền núi.

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 05 Điều, gồm: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; Điều 2. Nội dung và mức chi hỗ trợ; Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện; Điều 4. Tổ chức thực hiện; Điều 5. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí trang bị tài liệu dạy học và chi trả tiền lương dạy thêm giờ cho GV giảng dạy thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập cho trẻ em là người DTTS tham gia học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp Một thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Mức chi hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm tài liệu giảng dạy và học tập

Mỗi GV theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ kinh phí để mua 01 bộ tài liệu với mức hỗ trợ 360.000 đồng;

Mỗi trẻ em theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ kinh phí để mua 01 bộ tài liệu với mức hỗ trợ 310.000 đồng.

b) Hỗ trợ kinh phí trả tiền lương dạy thêm giờ cho giáo viên

Mỗi GV theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết được hỗ trợ 150.000 đồng/tiết với thời lượng không quá 80 tiết học, tối đa là một tháng. Thời gian thực hiện trong hè, trước khi trẻ học chương trình lớp Một.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

GỬI THẨM ĐỊNH: Không

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

Tổng số tiền hỗ trợ chế độ cho giáo viên và học sinh trong năm học 2026-2027 là 4.301.190.000 đồng (Bốn tỉ ba trăm linh một nghìn một trăm chín mươi nghìn đồng).

(Có Phụ lục dự toán kinh phí kèm theo).

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho các địa phương.

2. Thời gian trình thông qua: Tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người DTTS trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo Dự thảo Nghị quyết).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban và đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Nội vụ, Tư pháp; Dân tộc và Tôn giáo;
- CVP, PCVP Phạm Thị Hồng Lê;
- Lưu: VT, TH, KGVX_{VH}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Hoàng Xuân Tân



PHỤ LỤC I

Giá bìa Bộ tài liệu chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một

(Kèm theo Tờ trình số ~~3393~~ /UBND-KGVX ngày ~~10~~ tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên tài liệu	Giá bìa
1	Em và bạn bè (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	40,000
2	Em và nhà trường (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	50,000
3	Em và gia đình (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	45,000
4	Em và bản làng (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	50,000
5	Em và thiên nhiên (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	45,000
6	Ước mơ của em (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	60,000
7	Em tập tô (Thuộc bộ tài liệu Chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)	20,000
8	Hướng dẫn dạy tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một	50,000

Giá sách trên tính tại thời điểm năm 2026.

2

PHỤ LỤC II

Dự toán kinh phí thực hiện Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm học 2026 - 2027
(Kèm theo Tờ trình số 3393/TT-Tr-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

STT	Xã	Thông tin về trường, lớp, GV và HS			Nội dung hỗ trợ						Tổng cộng
		Số trường có HS DTTS	Số lớp Một	Số HS lớp Một	Hỗ trợ tài liệu dạy học			Hỗ trợ trả lương dạy thêm giờ cho giáo viên			
					Giáo viên	Học sinh	Cộng	Số tiết	Số tiền	Thành tiền	
1	Dân Hóa	4	23	229	8,280,000	70,990,000	79,270,000	80	150,000	276,000,000	355,270,000
2	Kim Điền	2	5	51	1,800,000	15,810,000	17,610,000	80	150,000	60,000,000	77,610,000
3	Kim Phú	6	16	31	5,760,000	9,610,000	15,370,000	80	150,000	192,000,000	207,370,000
4	Minh Hóa	4	14	23	5,040,000	7,130,000	12,170,000	80	150,000	168,000,000	180,170,000
5	Tân Thành	3	5	26	1,800,000	8,060,000	9,860,000	80	150,000	60,000,000	69,860,000
6	Tuyên Lâm	3	5	30	1,800,000	9,300,000	11,100,000	80	150,000	60,000,000	71,100,000
7	Nam Trạch	1	1	14	360,000	4,340,000	4,700,000	80	150,000	12,000,000	16,700,000
8	Thượng Trạch	3	12	106	4,320,000	32,860,000	37,180,000	80	150,000	144,000,000	181,180,000
9	Phong Nha	2	1	4	360,000	1,240,000	1,600,000	80	150,000	12,000,000	13,600,000
10	Trường Sơn	3	10	108	3,600,000	33,480,000	37,080,000	80	150,000	120,000,000	157,080,000
11	Kim Ngân	5	15	157	5,400,000	48,670,000	54,070,000	80	150,000	180,000,000	234,070,000
12	Bến Quan	3	6	73	2,160,000	22,630,000	24,790,000	80	150,000	72,000,000	96,790,000
13	Cồn Tiên	1	4	87	1,440,000	26,970,000	28,410,000	80	150,000	48,000,000	76,410,000
14	Hiếu Giang	1	1	14	360,000	4,340,000	4,700,000	80	150,000	12,000,000	16,700,000

15	La Lay	2	11	207	3,960,000	64,170,000	68,130,000	80	150,000	132,000,000	200,130,000
16	Tà Rụt	3	15	238	5,400,000	73,780,000	79,180,000	80	150,000	180,000,000	259,180,000
17	Đakrông	4	21	338	7,560,000	104,780,000	112,340,000	80	150,000	252,000,000	364,340,000
18	Ba Lòng	1	4	20	1,440,000	6,200,000	7,640,000	80	150,000	48,000,000	55,640,000
19	Hướng Hiệp	4	13	234	4,680,000	72,540,000	77,220,000	80	150,000	156,000,000	233,220,000
20	Hướng Lập	2	9	107	3,240,000	33,170,000	36,410,000	80	150,000	108,000,000	144,410,000
21	Hướng Phùng	3	13	212	4,680,000	65,720,000	70,400,000	80	150,000	156,000,000	226,400,000
22	Khe Sanh	4	14	196	5,040,000	60,760,000	65,800,000	80	150,000	168,000,000	233,800,000
23	Tân Lập	3	8	113	2,880,000	35,030,000	37,910,000	80	150,000	96,000,000	133,910,000
24	Lao Bảo	4	10	79	3,600,000	24,490,000	28,090,000	80	150,000	120,000,000	148,090,000
25	Lĩa	4	16	356	5,760,000	110,360,000	116,120,000	80	150,000	192,000,000	308,120,000
26	A Dơi	3	13	256	4,680,000	79,360,000	84,040,000	80	150,000	156,000,000	240,040,000
		78	265	3309	95,400,000	1,025,790,000	1,121,190,000			3,180,000,000	4,301,190,000

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

Căn cứ Thông tư số 21/2025/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ trả tiền lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra số... của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi hỗ trợ dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT quy định

về việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

2. Đối tượng áp dụng

a) Giáo viên tham gia dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

b) Trẻ em là người dân tộc thiểu số tham gia học tiếng Việt trước khi vào lớp Một ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

d) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung và mức chi hỗ trợ

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí trang bị tài liệu dạy học và chi trả tiền lương dạy thêm giờ cho giáo viên giảng dạy thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Hỗ trợ kinh phí mua tài liệu học tập cho trẻ em là người dân tộc thiểu số tham gia học tiếng Việt trước khi vào học chương trình lớp Một thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

2. Mức chi hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí mua sắm tài liệu giảng dạy và học tập

Mỗi giáo viên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ kinh phí để mua 01 bộ tài liệu dạy và học tiếng Việt với mức hỗ trợ 360.000 đồng;

Mỗi trẻ em theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ kinh phí để mua 01 bộ tài liệu học tiếng Việt với mức hỗ trợ 310.000 đồng.

b) Hỗ trợ kinh phí trả tiền lương dạy thêm giờ cho giáo viên

Mỗi giáo viên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ 150.000 đồng/tiết với thời lượng không quá 80 tiết học, (mỗi tiết 35 phút), tối đa là một tháng. Thời gian thực hiện trong hè, trước khi trẻ học chương trình lớp Một.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết do ngân sách cấp tỉnh đảm bảo và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho các địa phương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa LX, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày... tháng 7 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đảng ủy, TTHĐND, UBND cấp xã;
- Trung tâm Điều hành Thông tin tỉnh (đăng Công báo);
- Báo và PT-TH Quảng Trị;
- Lưu: VT, Ban VH-XH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Đăng Quang